

Số: **71/2022/QĐST-HNGĐ**

V, ngày 19 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ điều 397, 212 và điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: **470/2022/TLST-HNGĐ** ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” giữa:

Người yêu cầu:

- Anh Võ Đức D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đức D và chị Trần Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 27/4/2022. Căn cứ vào Điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình hòa giải, anh D và chị T thống nhất không đoàn tụ về sống chung với nhau và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với quy định tại điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh D và chị T có 01 con chung tên Võ D Anh, sinh ngày 23/4/2021. Khi ly hôn, anh D và chị T thống nhất, thỏa thuận giao cháu D Anh cho anh Võ Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Anh D và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh D và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 11 tháng 10 năm 2022 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đức D và chị Trần Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Duy A, sinh ngày 23/4/2021. Khi ly hôn, anh D và chị T thống nhất, thỏa thuận giao cháu A cho anh Võ Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của các con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Võ Đức D và chị Trần Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số **0004588 ngày 11/10/2022** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh D, chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Tuấn